

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HS-ST

Ngày 12/7/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vương Minh Tân và bà Lý Thị Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2022/TLST- HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST- HS ngày 01/7/2022, đối với bị cáo:

**BÙI Đ**, Sinh ngày 17/7/1980 tại thành phố Tuyên Quang;

Cư trú tại: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi L và bà Nguyễn M; có vợ là: Vũ T và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường H, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

**\* Bị hại:** Anh Nguyễn P; sinh năm 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do; cư trú tại: Tổ dân phố 03, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

**\* Người làm chứng:**

- Ông Bùi L; sinh năm 1953; cư trú tại: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.



- Anh Nguyễn H1; sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Anh Phạm A; sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ dân phố 02, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/01/2022, Bùi Đ đang làm việc tại nhà (Đ làm nghề cơ khí nhôm, kính tổng hợp) thì có ông Bùi L (là bố đẻ của Đ) đến nói chuyện với thái độ bức tức về việc Nguyễn P điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 22A- 058.26 đỗ dưới lòng đường Phạm Đ, trước cửa nhà ông L rồi đi đến quán nước cách nhà ông L khoảng 20 mét ngồi uống nước. Do nhà ông L làm nghề xay sát lúa, gạo nên thường xuyên có khách hàng đến, ông L có nhắc nhở P về việc đỗ xe ô tô ảnh hưởng đến việc kinh doanh của gia đình. Tuy nhiên, P cho rằng P đỗ xe ô tô dưới lòng đường, không thuộc đất của nhà ông L nên không di chuyển xe ô tô sang vị trí khác. Sau khi ông L kể lại chuyện trên cho Bùi Đ, Đ đã cầm 01 hộp sơn xít và 01 thanh kim loại (kích thước 71,2 x 4,8 cm), một đầu dẹt, một đầu nhọn, có dạng hình chữ U đi đến chỗ xe ô tô của Nguyễn P đỗ và nói “xe của ai đây, di chuyển ra chỗ khác để tao còn làm việc”, P đi từ chỗ quán nước đến và nói chuyện với Đ, hai bên đã cãi, chửi nhau. Lúc này, Đ đứng đối diện với P và đang cầm thanh kim loại trên tay trái, trong khi cãi chửi nhau, Đ đã dùng thanh kim loại vụt 01 phát về phía P theo chiều từ trên xuống, từ trái sang phải, P dơ tay trái lên đỡ thì bị thanh kim loại vụt vào đúng cẳng tay trái làm gãy xương trụ trái. Đ và P tiếp tục đánh nhau thì mọi người dân xung quanh can ngăn và đưa P đi bệnh viện điều trị thương tích.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 43/2022/TgT ngày 08/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận đối với Nguyễn P, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Gãy xương trụ trái 10%; sẹo 1/3 dưới cẳng tay trái vị trí, kích thước như mô tả 02%.

2. Cơ chế vật gây thương tích: Gãy 1/3 dưới xương trụ trái là do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

3. Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKSTP ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bùi Đ về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự).



Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Đ về tội *Cố ý gây thương tích* và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Đ từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại (kích thước 71,2 x 4,8 cm), một đầu dẹt, một đầu nhọn, có dạng hình chữ U, trên bề mặt thanh kim loại có dán nilon và in nhiều ký tự chữ viết.

*(Tình trạng vật chứng thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 23/6/2022).*

- Áp dụng các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Bùi Đ và bị hại Nguyễn P đều nhất trí với nội dung bản Luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không trình bày lời bào chữa và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Các bị cáo, các bị hại không khiếu nại, thắc mắc gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhất



trí với bản kết luận giám định pháp y thương tích của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Bị cáo khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị cáo thừa nhận đã dùng thanh kim loại vọt vào tay trái của anh P gây thương tích cho anh P 12% sức khỏe. Bị cáo cho rằng vì anh P để xe ô tô trước cửa nhà bỏ đi của bị cáo quá lâu, dù bỏ đi của bị cáo đã nhắc nhở và bị cáo cũng sang nhắc nhở nhưng anh P không nghe nên bị cáo và anh P cãi chửi nhau, do bức tức bị cáo đã đánh anh P.

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo Bùi Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng bị cáo đã nóng nảy, không kìm chế được bản thân, bị cáo đã có hành vi dùng 01 thanh kim loại (là hung khí nguy hiểm) vọt vào cẳng tay trái của anh Nguyễn P gây thương tích với tỷ lệ 12% (Mười hai phần trăm) là đủ căn cứ truy tố về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự (có đơn xác nhận của chính quyền địa phương). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy, mức hình phạt mà đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại (số tiền 20.000.000 đồng). Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 thanh kim loại (kích thước 71,2 x 4,8 cm), một đầu dẹt, một đầu nhọn, có dạng hình chữ U, trên bề mặt thanh kim loại có dán nilon và in nhiều ký tự chữ viết là công cụ sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.



(Tình trạng vật chứng thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 23/6/2022).

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Điểm đ, khoản 2, Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134); điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đ phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Bùi Đ 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại (kích thước 71,2 x 4,8 cm), một đầu dẹt, một đầu nhọn, có dạng hình chữ U, trên bề mặt thanh kim loại có dán nilon và in nhiều ký tự chữ viết.

*(Tình trạng vật chứng thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 23/6/2022).*

3. Căn cứ: Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:



Buộc bị cáo Bùi Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công  
an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- UBND P. H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Hương Giang**